

Bản án số: 65/2019/KDTM- ST

Ngày 24/10/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Dân

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xuân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2019/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2019/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty DL; địa chỉ trụ sở: Số 35 đường T, phường B, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T - Chức vụ: Đội trưởng Đội quản lý thu ghi hoặc Ông T1 - Chức vụ: Phó Đội trưởng Đội quản lý thu ghi; Cùng địa chỉ: Số 718 đường K, Phường M, Quận S, Thành phố H - là người đại diện theo ủy quyền (Các văn bản ủy quyền số 5265/2019/UQ-EVNHCMC ngày 17/12/2018 của Tổng Công ty DL và số 2801/UQ-PCCBP ngày 17/12/2018 của Chi nhánh Tổng Công ty DL - Tổng Công ty DLB); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH V; địa chỉ trụ sở: Số A10/19D Ấp 1, xã L, huyện

Bh, Thành phố H; địa chỉ nơi thực hiện hợp đồng mua bán điện: Số 125 đường N, Khu phố N, phường T, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông V - Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Số 59/10A đường L, Phường M, Quận S, Thành phố H – là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2019, bản tự khai, các biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ông T1 trình bày:

Ngày 15/5/2018, Tổng Tổng Công ty ĐL (gọi tắt là Công ty Đ) và Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V) ký kết Hợp đồng mua bán điện cho mục đích sản xuất số 18/001626; địa điểm sử dụng điện: Số 125 đường N, Khu phố N, phường T, quận B, Thành phố H. Hình thức thanh toán nộp tiền vào tài khoản của bên bán hoặc chuyển khoản; thời hạn thanh toán trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận thông báo lần đầu; hình thức thông báo tiền điện sử dụng trong kỳ bằng văn bản hoặc nhắn tin hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc điện thoại...

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã thanh toán tiền điện đến kỳ tháng 10/2018 (đến ngày 07/10/2018). Bắt đầu từ kỳ tháng 11/2018 (từ ngày 08/10/2018) thì Công ty V không thanh toán tiền điện đã sử dụng, Công ty Đ đã thông báo, nhắc nhở và đã nhiều lần cắt, ngưng không cung cấp điện nhưng Công ty V tự ý nối lại sử dụng đến kỳ tháng 5/2019 thì bỏ đi đâu không rõ. Ngày 28/02/2019, Ông V là người đại diện hợp pháp của Công ty V đến Công ty Đ xin gia hạn thời gian thanh toán tiền điện, và xin trả làm nhiều đợt theo Biên bản làm việc ngày 28/02/2019, cụ thể Công ty V đã nợ số tiền sử dụng điện như sau:

- Kỳ tháng 11/2018 (từ ngày 08/10/2018 đến ngày 07/11/2018), nợ số tiền điện đã sử dụng là 55.931.986đ (năm mươi lăm triệu chín trăm ba mươi một nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng);

- Kỳ tháng 12/2018 (từ ngày 08/11/2018 đến ngày 07/12/2018), nợ số tiền điện đã sử dụng là 36.138.564đ (ba mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng);

- Khoảng thời gian từ ngày 08/12/2018 đến ngày 12/4/2019 không ghi được chỉ số điện do Công ty Đ đã cắt, ngưng không cung cấp điện nhưng sau đó Công ty V tự ý nối lại sử dụng. Như vậy, kỳ tháng 5/2019 (từ ngày 13/4/2019 đến ngày 13/5/2019), số tiền điện đã sử dụng là 18.066.667đ (mười tám triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Sở dĩ, có sự chênh lệch về số tiền sử dụng của kỳ tháng 5/2018 giữa các thông báo tiền điện với số tiền điện tạm tính tại biên bản làm việc ngày 28/02/2019 là do kể từ ngày 20/3/2019 trở về sau thì tiền điện được áp theo giá mới và giá điện có sự tăng cao hơn so với trước, vào thời điểm lập biên bản với người đại diện hợp pháp

của Công ty V thì tạm tính theo giá cũ với số tiền là 16.785.940 đồng nhưng thực tế khi áp giá mới thì số tiền là 18.066.667 đồng.

Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Đ đã nhiều lần gửi thông báo số tiền sử dụng điện còn nợ bằng hình thức nhắn tin vào số điện thoại mà Công ty V đã đăng ký nhận tin nhắn trong hợp đồng: 0961247063. Đồng thời Công ty Đ cũng đã gửi các thông báo thời điểm ngừng cung cấp điện do quá hạn thanh toán vào các ngày 22/11/2018, 22/12/2018, 28/5/2019; và các thông báo ngừng cung cấp điện vào các ngày 24/11/2018, 24/12/2018, 29/5/2019, Ông V đại diện cho Công ty V đã nhận được các thông báo trên và trực tiếp đến Công ty Đ xin gia hạn thanh toán theo nội dung biên bản làm việc ngày 28/02/2019, nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã nợ ba kỳ thanh toán, với tổng số tiền nợ là 110.137.127đ (một trăm mười triệu một trăm ba mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng).

Công ty Đ yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi suất.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bị đơn không đến do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên Tòa:

Bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng và đảm bảo thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty Đ khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” với Công ty V. Địa chỉ nơi thực hiện hợp đồng mua bán điện: Số 125 đường N, Khu phố N, phường T, quận B, Thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên

đơn lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt

Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 07/10/2019 và 08 giờ 00 phút ngày 24/10/2019, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn để thông báo về thời gian và địa điểm xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Ngày 16/9/2019, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện số 18/001626 ngày 15/5/2018: Công ty Đ bán điện năng cho Công ty V; địa điểm sử dụng điện: Số 125 đường N, Khu phố N, phường T, quận B, Thành phố H; mục đích sử dụng điện: Sản xuất. Hình thức thanh toán nộp tiền vào tài khoản của Công ty Đ hoặc chuyển khoản; thời hạn thanh toán trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận thông báo lần đầu; hình thức thông báo tiền điện hàng kỳ được gửi bằng văn bản hoặc nhắn tin hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc điện thoại... Đây là giao kết dân sự trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận nên có hiệu lực thi hành.

Công ty Đ đã thực hiện việc thông báo cụ thể số tiền tiền nợ của các kỳ thanh toán, Công ty V đã nhận được đầy đủ các thông báo trên nhưng không thanh toán. Như vậy, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng mua bán điện số 18/001626 ngày 15/5/2018; cụ thể Công ty V còn nợ các kỳ thanh toán sau:

- Kỳ tháng 11/2018 nợ số tiền điện đã sử dụng là 55.931.986đ (năm mươi lăm triệu chín trăm ba mươi một nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng);
- Kỳ tháng 12/2018 nợ số tiền điện đã sử dụng là 36.138.564đ (ba mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng);
- Kỳ tháng 5/2019 nợ số tiền điện đã sử dụng là 18.066.667đ (mười tám triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Căn cứ vào các thông báo thời điểm ngừng cung cấp điện do quá hạn thanh toán vào các ngày 22/11/2018, 22/12/2018, 28/5/2019; và các thông báo ngừng cung cấp điện vào các ngày 24/11/2018, 24/12/2018, 29/5/2019; Biên bản làm việc giữa Công ty Đ và Ông V- người đại diện hợp pháp của Công ty V ngày 28/02/2019; lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có cơ sở để xác định Công ty V còn nợ Công ty Đ các kỳ thanh toán trên, với tổng số tiền nợ là 110.137.127đ (một trăm mười triệu một trăm ba mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng). Do đó, Công ty Đ yêu cầu Công ty V thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần hết số tiền còn nợ trên, khi bản án có hiệu lực pháp

luật là phù hợp với quy định tại Điều 24; khoản 1, 2 Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005.

Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về giao nộp tài liệu, chứng cứ: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ... thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập được... để giải quyết vụ án.

Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.”

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng, trong đó các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền nêu trên cho nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ là 110.137.127đ (một trăm mười triệu một trăm ba mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

6- Về án phí dân sự sơ thẩm :

Yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty ĐL được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho Tổng Công ty ĐL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu đồng).

Công ty TNHH V phải chi án phí dân sự sơ thẩm là 5.507.000đ (năm triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 96, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 24; khoản 1, 2 Điều 50; Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty ĐL về việc yêu cầu Công ty TNHH V thanh toán tiền nợ.

2. Buộc Công ty TNHH V có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty ĐL số tiền 110.137.127đ (một trăm mười triệu một trăm ba mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH V phải chi án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.507.000đ (năm triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Trả lại cho Tổng Công ty ĐL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0018298 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Em

